

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng thuộc công trình: Đường GTNT tuyến Mường Gõ (bên trái - áp Thanh Lộc) theo yêu cầu của E-HSMT và tập bản vẽ thi công kèm theo.

1.1. Tên gói thầu: Thi công xây dựng.

1.2. Tên công trình: Đường GTNT tuyến Mường Gõ (bên trái - áp Thanh Lộc).

1.3. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

1.4. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Trung Hưng.

1.5. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

1.6. Địa điểm xây dựng: xã Trung Hưng, TP Cần Thơ.

1.7. Quy mô xây dựng:

- **Cấp kỹ thuật của đường: Đường GTNT cấp B theo TCVN 10380:2014.**

- **Vận tốc thiết kế: $V=20$ Km/h.**

- **Tải trọng thiết kế của đường: $\geq 2,5T$.**

- Thời hạn sử dụng công trình: Thời hạn thiết kế sử dụng công trình phần tuyến đường là 5 năm (mục 4.6.1 TCVN 10380-2014)

- Loại mặt đường : Mặt đường BTCT đá x2 M250.

- Mặt cắt ngang đường thiết kế:

• Đoạn tuyến từ cọc C0 Km0+00 đến cọc C61 Km1+133: $(0m + 4,0m + 0m) = 4,0m$. Trong đó:

+ Bề rộng nền đường: 4,0m

+ Bề rộng mặt đường xe chạy: 4,0m

+ Bề rộng tường gạch xây bó (2 bên): 0,2m (đặt dưới tấm bê tông cốt thép mặt đường)

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%

• Đoạn tuyến từ cọc C61' Km1+133 đến cọc C64' Km1+162: $(0,2m + (3,5m \sim 4,0m) + 0,2m) = (3,9m \sim 4,4m)$. Trong đó:

+ Bề rộng nền đường: $(3,9m \sim 4,4m)$

+ Bề rộng mặt đường xe chạy: $(3,5m \sim 4,0m)$

+ Bề rộng tường gạch xây bó (2 bên): 0,2m

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%

• Đoạn tuyến từ cọc C64 Km1+162 đến cọc C70 Km1+278: $(0m + 4,0m + 0m) = 4,0m$. Trong đó:

+ Bề rộng nền đường: 4,0m

+ Bề rộng mặt đường xe chạy: 4,0m

+ Bề rộng tường gạch xây bó (2 bên): 0,2m (đặt dưới tấm bê tông cốt thép mặt đường)

- + Độ dốc ngang mặt đường: 2%
- Đoạn tuyến từ cọc C70' Km1+278 đến cọc C72' Km1+301: Phạm vi vượt nôi đường vào cầu số 1 tại Km1+290.
 - Đoạn tuyến từ cọc C72 Km1+301 đến cọc C82 Km1+492: $(0m + 4,0m + 0m) = 4,0m$. Trong đó:
 - + Bề rộng nền đường: 4,0m
 - + Bề rộng mặt đường xe chạy: 4,0m
 - + Bề rộng tường gạch xây bó (2 bên): 0,2m (đặt dưới tấm bê tông cốt thép mặt đường)
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2%.
 - Đoạn tuyến từ cọc C82' Km1+492 đến cọc C85' Km1+513: $(0,2m + (3,0m \sim 4,0m) + 0,2m) = (3,9m \sim 4,4m)$. Trong đó:
 - + Bề rộng nền đường: $(3,4m \sim 4,4m)$
 - + Bề rộng mặt đường xe chạy: $(3,0m \sim 4,0m)$
 - + Bề rộng tường gạch xây bó (2 bên): 0,2m
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2%
 - Đoạn tuyến từ cọc C85 Km1+513 đến cọc C110 Km1+999: $(0m + 4,0m + 0m) = 4,0m$. Trong đó:
 - + Bề rộng nền đường: 4,0m
 - + Bề rộng mặt đường xe chạy: 4,0m
 - + Bề rộng tường gạch xây bó (2 bên): 0,2m (đặt dưới tấm bê tông cốt thép mặt đường)
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2%
 - Đoạn tuyến từ cọc C110' Km1+278 đến cọc C113' Km2+018: Phạm vi vượt nôi đường vào cầu số 2 tại Km2+008.
 - Đoạn tuyến từ cọc C113 Km2+018 đến cọc C148 Km2+717: $(0,5m + 4,0m + 0,5m) = 5,0m$. Trong đó:
 - + Bề rộng nền đường: 5,0m
 - + Bề rộng mặt đường xe chạy: 4,0m
 - + Bề rộng lề đường mỗi bên: 0,5m
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2%
 - + Độ dốc ngang lề đường: 4%
 - + Ta luy đắp: $(1,0 : 1,5)$.

2. Thời hạn hoàn thành: 180 ngày.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có

yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

Quy định kỹ thuật trong thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị công trình theo đúng quy định và Bộ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam trong thiết kế bản vẽ thi công công trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ quy định về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- TCXDVN 5574 : 2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 6085 : 2012 : Bản vẽ Kỹ thuật, Bản vẽ xây dựng, nguyên tắc chung để lập bản vẽ thi công;

- TCVN 4447 : 2012 : Công tác đất, quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCXDVN 51 : 2008 : Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình, tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXD 9207 : 2012 : Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9206 : 2012 : Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573 : 2011 : Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXDVN 9377-1 : 2012 : Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu. Phần 1: Công tác lát và láng trong xây dựng;

- TCXDVN 9377-2 : 2012 : Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu. Phần 2: Công tác trát trong xây dựng;

- TCXDVN 9377-3 : 2012 : Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu. Phần 3: Công tác ốp trong xây dựng.

- Thiết kế công trình đặc biệt chú ý đến điều kiện thông thoáng và chiếu sáng tự nhiên, biện pháp lấy sáng đón gió bằng hệ thống cửa, lam thông thoáng v.v... khi thiết kế cần áp dụng các quy định trong (Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng TCVN 29 : 1991).

- Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam có liên quan;

* Danh mục một số vật liệu chính sử dụng cho công trình:

Tên vật tư/Thiết bị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Chủng loại Xuất xứ
---------------------	---------------------	--------------------

Cát đen	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp hoặc tương đương.
Cát vàng	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	
Đá 1x2	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	Biên Hòa, An Giang, Thanh Phú hoặc tương đương.
Đá 4x6	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	
Đá dăm các loại	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	
Xi măng	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	Hà Tiên, Insee, Tây Đô hoặc tương đương.
Thép tròn $\Phi \leq 10$	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	Miền Nam, Tây Đô, Việt Mỹ, Hòa Phát hoặc tương đương.
Thép tròn $\Phi \leq 18$	- Theo tiêu chuẩn hiện hành.	
Và một số vật tư, vật liệu, thiết bị khác...	- Quy cách, tiêu chuẩn, xuất xứ tương đương theo qui định của thiết kế và theo TCN; TCVN; TCXDVN hiện hành.	

Ghi chú: Khi nhà thầu dự thầu về vật tư sử dụng cho gói thầu không dùng cụm từ “tương đương” trong bảng danh mục vật tư của mình.

IV. Các bản vẽ: File Hồ sơ bản vẽ đính kèm E-HSMT khi phát hành.